
Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Hòa**

Ông **Lê Xuân Sơn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị An**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-HNĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Ly hôn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Kiều Thị T**, sinh năm 1994; Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tr, xã Th. L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh **Kiều Duy Th**, sinh năm 1997; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản khai tiếp theo tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị **Kiều Thị T** và anh **Kiều Duy Th** có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã S.C (nay là xã S), huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 21/12/2017. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Th tại Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Vợ chồng anh chị chung sống chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T khai là do anh Th không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Ngoài ra, do hai vợ chồng chị chung sống đã nhiều năm mà không có con nên cũng ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng. Chị

và anh Th thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị cũng hết sức khuyên bảo anh Th lo làm ăn, không chơi bời nữa nhưng anh Th không thay đổi. Từ tháng 3/2022, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tr, xã Th. L, huyện P, Thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Chỉ có thời gian gần đây, khi chị làm đơn xin ly hôn thì vợ chồng mới liên lạc với nhau. Anh Th cũng đồng ý ly hôn và có ký vào đơn ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kiều Duy Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Kiều Duy Th nhưng anh Th không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không ghi được lời khai của anh Th cũng như không tiến hành được các thủ tục tố tụng khác.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh Th là bà Kiều Thị Th1 và được bà Th1 cho biết như sau: Năm 2017, anh Th kết hôn cùng chị Kiều Thị T. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng gia đình bà tại Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh Th và chị T chung sống nhiều năm nhưng không có con chung. Quá trình chung sống, chị T không có công ăn việc làm gì, không biết lo lắng cho gia đình. Bản thân con trai bà thì cũng chơi bời ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Khoảng năm 2020, chị T vào trong nhà bố mẹ đẻ để bán hàng ăn tại xã Th. L, thì thoảng chị T mới về nhà bà. Còn anh Th đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Chị T và anh Th không còn chung sống với nhau từ hơn 02 năm nay. Anh Th cũng xác định không thể chung sống với chị T nữa nên nhất trí ly hôn. Bà cũng nhất trí cho vợ chồng chị T và anh Th ly hôn vì không thể hàn gắn được nữa. Hiện nay, anh Th đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể thì bà không rõ, thỉnh thoảng anh Th mới về. Anh Th có gửi lại cho bà “Đơn xin giải quyết vắng mặt” và bà xin giao lại cho Tòa án. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bố đẻ chị T là ông Kiều Chí D và được ông D cho biết như sau: Năm 2017, chị T kết hôn cùng anh Kiều Duy Th. Sau khi kết hôn, chị T chung sống cùng gia đình anh Th tại Thôn 7, xã S, huyện Ph, Thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống cùng nhau nhiều năm nhưng không có con. Ông cũng có nghe chị T phản ánh là trong quá trình chung sống, anh Th không chịu tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc dẫn đến ảnh hưởng kinh tế gia đình. Ông cũng có khuyên bảo, vun vén cho các con, khuyên chị Th là cố gắng động viên chồng để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn, xây dựng gia đình. Từ khoảng tháng 3/2022 cho đến nay, chị T về sống cùng gia đình ông tại thôn Tr, xã Th. L, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh Th cũng có một vài lần vào nhà ông để xin lỗi chị T. Ông cũng động viên con để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng chị T khẳng định là không thể tiếp tục chung sống cùng anh Th được nữa. Từ đó đến nay thì

chị T chưa về lại gia đình anh Th lần nào. Nay chị T xin ly hôn, ông cung cấp thông tin như trên để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được đại diện Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội cho biết như sau: Anh Kiều Duy Th là người của địa phương. Năm 2017, anh Th kết hôn với chị Kiều Thị T, sinh năm 1994 là người dân ở xã Th. L. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng gia đình anh Th tại Thôn 7, xã S. Quá trình chung sống, ở địa phương cũng có nghe nói là vợ chồng anh Th, chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương cũng không nắm rõ. Anh Th khi sống tại địa phương thì cũng không tu chí làm ăn mà có tính chơi bời. Từ khoảng 02 năm nay, chị T về sống và bán hàng ăn tại nhà bố mẹ đẻ ở xã Th. L và không về lại gia đình anh Th nữa. Anh Th đi làm ăn xa, thì thoảng mới về. Vợ chồng anh chị chung sống nhiều năm nhưng không có con chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Th. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng, các thời hạn tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của UBTVQH: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Kiều Thị T được ly hôn anh Kiều Duy Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có;

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Kiều Thị T. Bị đơn là anh Kiều Duy Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 7, xã S, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Kiều Duy Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị T và anh Kiều Duy Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, TP Hà Nội vào ngày 21/12/2017. Do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, chị T và anh Th đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh Th không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Ngoài ra, do hai vợ chồng chị chung sống đã nhiều năm mà không có con nên việc này cũng ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng. Chị và anh Th thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị cũng hết sức khuyên bảo để anh Th không chơi bời nữa nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Từ tháng 3/2022, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn Tr, xã Th. L, huyện P, Thành phố Hà Nội. Chị và anh Th sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T kiên quyết xin ly hôn anh Th vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh Th vắng mặt nhưng qua việc lấy lời khai của mẹ đẻ anh Th và xác minh tại địa phương thì thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh Th có xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng 02 năm nay, chị T và anh Th không còn chung sống cùng nhau nữa. Chị T về sống và bán hàng ăn tại nhà bố mẹ đẻ ở xã Th. L còn anh Th đi làm ăn xa, thi thoảng mới về. Theo nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Th gửi Tòa án thì anh Th cũng nhất trí ly hôn chị T.

HĐXX nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Th.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, nợ: Chị Kiều Thị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết. Nếu anh Th có yêu cầu thì được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Kiều Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

- + Chị Kiều Thị T được ly hôn anh Kiều Duy Th.
- + Về con chung: Không có.
- + Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị T xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết. Trường hợp anh Th có yêu cầu thì có quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.
- + Về án phí: Chị Kiều Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042042 ngày 29/3/2003 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.
- + Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Kiều Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Kiều Duy Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA